

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-5-2020  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Chuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 570/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Trần Hữu X**, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp 1, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

**- Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1953

HKTT: ấp 1, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

Chỗ ở hiện nay: số 633, đường TC, phường TSN, quận Tân Phú, Thành phố H.

*(Ông X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Hữu X trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị N hôn nhân tự nguyện, bắt đầu chung sống với nhau từ tháng 3/1979, không đăng ký kết hôn tuy nhiên đây là hôn nhân thực tế. Hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng. Mặc dù ông X đã nhẫn nhịn để hai người dung hòa tính cách với nhau nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung và dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về nuôi con chung: Ông X trình bày có 04 con chung gồm: 1/Trần Thị Th, sinh ngày 23/10/1980, 2/ Trần Anh D, sinh ngày 10/02/1982, 3/ Trần Anh G, sinh ngày 19/5/1985, 4/ Trần Thị H, sinh ngày 27/02/1989. Hiện nay các con chung đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà N tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông X bắt đầu chung sống với nhau từ tháng 3/1979, có tổ chức đám cưới được gia đình hai bên chấp nhận, có đăng ký kết hôn tại xã CP, huyện CT, tỉnh TH nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Cuộc sống chung của 02 người hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông X có mối quan hệ với người phụ nữ khác, đồng thời sau khi bán nhà, đất và chuyển xuống Thành phố X sống cùng các con nhưng do không hòa hợp về tính tình nên mỗi người đều sống riêng. Nay ông X xin ly hôn thì bà không đồng ý vì vẫn còn tình cảm yêu thương dành cho ông.

Về nuôi con chung: Bà và ông X có 04 con chung như ông đã trình bày như trên là đúng. Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đối với toàn bộ số tiền bán nhà, đất là 2.500.000.000đ thì hai người đã tự chia với nhau xong. Riêng số tiền lãi 236.000.000đ bà không tranh chấp chia số tiền này, hai người tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn triệu tập hợp lệ 02 lần không đến nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông X. Về hôn nhân: Ông X được ly hôn với bà N. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên đương sự không yêu cầu. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: không có. Về án phí: Nguyên đơn đã được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại ấp 1, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông X khởi kiện yêu cầu ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông X là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự ông là nguyên đơn, bà N là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 17/4/2020 Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được do bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án căn cứ vào Điều 207; khoản 2 Điều 208; khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải, đồng thời Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt biết.

- Ông X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông X và bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bà N cho rằng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện CT, tỉnh TH nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Ông X cho rằng không đăng ký kết hôn. Ngày 05/02/2020 Tòa án đã ủy thác về Tòa án nhân dân huyện CT để xác minh về việc ông bà có đăng ký kết hôn hay không nhưng quá thời hạn quy định mà Tòa án huyện Tân Phú vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác. Dù không đăng ký kết hôn nhưng ông bà đều thống nhất thời gian bắt đầu chung sống từ tháng 3/1979 đến nay nên quan hệ vợ chồng vẫn được pháp luật công nhận là hợp pháp bắt đầu kể từ ngày xác lập, quy định tại điểm a, mục 3 Nghị quyết 35/2000 NQ –QH10 ngày 09/6/2000.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà N nghi ngờ ông X có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bà thừa nhận có dùng dao kéo dọa và khi nóng giận có bực bội trong người nên có dùng những lời lẽ chửi bới xúc phạm ông X. Tại các biên bản xác minh tại địa phương ngày 26/02/2020 thể hiện do bất đồng quan điểm về việc thờ cúng và tín ngưỡng. Bản thân bà N mong muốn được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mà bà không đến Tòa án tham gia tố tụng, qua đó thể hiện bà N có thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình. Như vậy ông bà đã không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...có nghĩa vụ sống chung với nhau*”.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông X và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông X, cho ông được ly hôn với bà N, quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Về nuôi con chung: Ông X và bà N có 04 con chung gồm: 1/Trần Thị T, sinh ngày 23/10/1980, 2/ Trần Anh D, sinh ngày 10/02/1982, 3/ Trần Anh G, sinh ngày 19/5/1985, 4/ Trần Thị H, sinh ngày 27/02/1989. Hiện nay các con chung đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét.

Nợ chung: không có không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông X đã được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, mục 3 Nghị quyết 35/2000 NQ –QH10 ngày 09/6/2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu X.

- Về hôn nhân: Ông Trần Hữu X được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Ông X và bà N có 04 con chung gồm: 1/Trần Thị T, sinh ngày 23/10/1980, 2/ Trần Anh D, sinh ngày 10/02/1982, 3/ Trần Anh G, sinh ngày 19/5/1985, 4/ Trần Thị H, sinh ngày 27/02/1989. Hiện nay các con chung đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông X và bà N tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Hữu X đã được miễn án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Ông X và bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PS để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Lan**